TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 158/2023/DS-ST
Ngày 05 tháng 7 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi và ông Nguyễn Văn Ngân

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2023/TLST-DS, ngày 10/02/2023 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tranh chấp dân sự về *"Hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2023/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-DS, ngày 16/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội. Địa chỉ: số 169, Phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương quyết Thắng - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Ngọc Bửu C – chức vụ: Giám đốc, ủy quyền lại cho bà Nguyễn Ngọc N – chức vụ: Phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện PT, tỉnh An Giang làm đại diện. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1968. Nơi cư trú: số nhà 521, tổ 11, ấp Bình T1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang (Nơi tạm trú: cơ sở trọ Trần Văn Ngộ, số 2/84, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương). (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: số nhà 521, tổ 11, ấp Bình T1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang (Nơi tạm trú: cơ sở trọ Trần Văn Ngộ, số 2/84, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải không được bà Nguyễn Ngọc N là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội trình bày: Vào ngày 09/09/2014 bà Phan Thị Mỹ D đại diện hộ gia đình vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện PT theo chương trình cho vay hộ nghèo, tổng số tiền 15.000.000 đồng, hạn trả 14/09/2019, được gia hạn nợ đến ngày 15/03/2022 và chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 16/03/2022. Lãi suất trong hạn 0,6%/tháng, Lãi suất quá hạn 0,78%/tháng. Tổng cộng gốc và lãi 17.483.954 đồng (Trong đó số tiền gốc 15.000.000 đồng và số tiền lãi 2.483.954 đồng, tạm tính đến ngày 05/7/2023). Đến nay đã qua nhiều lần đôn đốc nhắc nhở, mặt dù hộ vay có khả năng trả nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản vay.

Nay Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N cùng liên đới trả cho ngân hàng chính sách xã hội huyện PT số tiền 17.483.954 đồng (Trong đó số tiền gốc 15.000.000 đồng và số tiền lãi 2.483.954 đồng, tạm tính đến ngày 05/7/2023), tính lãi phát sinh theo quy định. Đối với yêu cầu theo đơn khởi kiện nhiều hơn nên xin rút lại số tiền 5.012.046 đồng. Ngoài ra không yêu cầu nào khác.

Bị đơn: Bà Phan Thị Mỹ D, sinh năm 1968. Nơi cư trú: số nhà 521, tổ 11, ấp Bình T1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang (Nơi tạm trú: cơ sở trọ Trần Văn Ngộ, số 2/84, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Hữu N, sinh năm 1965. Nơi cư trú: số nhà 521, tổ 11, ấp Bình T1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang (Nơi tạm trú: cơ sở trọ Trần Văn Ngộ, số 2/84, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương vắng mặt kể từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa: không có lời khai.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: căn cứ Hợp đồng vay vốn đề các ngày 09/09/2014 giữa Ngân hàng chính sách xã hội với bà Phan Thị Mỹ D (đại diện cho hộ gia đình) được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời bà D là người đại diện cho ông N để đứng ra vay vốn do đó cần buộc bà D, ông N cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ nên chấp nhận

yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội, buộc bà D, ông N cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội. Đối với số tiền rút lại của đại diện nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện PT và bị đơn bà Phan Thị Mỹ D và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu N. Cùng nơi cư trú: số nhà 521, tổ 11, ấp Bình T1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn bà Phan Thị Mỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu N được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà D, ông N không có mặt tại phiên toà nên HĐXX căn cứ vào Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ Hợp đồng vay vốn đề ngày 09/09/2014 giữa Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện PT với bà Phan Thị Mỹ D (đại diện cho hộ gia đình) được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau, được thể hiện bằng sổ vay vốn theo chương trình cho vay hộ nghèo tổng cộng số tiền vốn vay của chương trình là 15.000.000 đồng. Về hình thức và nội dung hợp đồng là tự nguyện; nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, có hiệu lực làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên kể từ ngày ký phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Bà Phan Thị Mỹ D (đại diện cho hộ gia đình) là khách hàng được phía Ngân hàng cấp vốn vay từ chương trình cho vay hộ nghèo, nước sạch...v..v.. đến hạn trả nợ nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng. Tính đến ngày 05/7/2023 hộ bà Phan Thị Mỹ D còn nợ của Ngân hàng tổng cộng số tiền vốn 15.000.000 đồng. Do đó, HĐXX xét thấy hộ bà Phan Thị Mỹ D không thực hiện nghĩa vụ đầy đủ nộp trả lại cho Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ của khách hàng. Mặc khác từ khi Tòa án thụ lý cho đến nay thì hộ bà Phan

Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N biết những cũng không có mặt, không có ý kiến để HĐXX xem xét giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên; đồng thời bà D là người đại diện uỷ quyền của ông N để đứng ra vay vốn do đó cần buộc bà D, ông N cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng nên chấp nhận yêu cầu của đại diện Ngân hàng chính sách xã hội, buộc bà D, ông N cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vốn và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội phòng giao dịch huyện PT theo hợp đồng đã ký kết.

Đối với tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nguyên đơn yêu cầu tính đến ngày 05/7/2023 căn cứ theo mức lãi thoả thuận trong hợp đồng các bên đã ký kết yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp nghĩ nên chấp nhận. Tính đến ngày 05/7/2023 số tiền lãi 2.483.954 đồng.

Đối với nguyên đơn yêu cầu rút lại một phần số tiền 5.012.046 đồng của đại diện Ngân hàng nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu rút một phần khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí. Vì vậy, bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tóa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 244, 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần rút yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội đối với số tiền 5.012.046 đồng theo đơn khởi kiện.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội đối với bị đơn bà Phan Thị Mỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Hữu N về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"*.

Buộc bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tổng cộng số tiền vốn vay và tiền lãi là

17.483.954 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo (ngày 06/7/2023) bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N còn phải tiếp tục chịu mức lãi suất theo số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng mà các bên đã thỏa thuận theo Hợp đồng vay vốn đề ngày 09/9/2014 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N cùng chịu án phí 874.000 đồng (tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

3.2 Ngân hàng chính sách xã hội thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

4. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng chính sách xã hội được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Phan Thị Mỹ D và ông Phạm Hữu N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện PT;
-CCTHADS huyện PT;
-TAND tỉnh An Giang;
-Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thành Thuận